

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài này, GV phải làm cho HS :

1. Hiểu được khái niệm về giống vật nuôi.
2. Biết cách phân loại giống vật nuôi.
3. Hiểu vai trò của giống trong chăn nuôi.

II. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**1. Gợi ý phân bố bài giảng**

Bài có 2 phần :

I. Khái niệm về giống vật nuôi***II. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi*****2. Một số kiến thức bổ sung*****2.1. Một vài nét về giống vịt cỏ (Anas platyrynchos)***

– Vịt cỏ được nuôi phổ biến khắp nơi, nuôi nhiều ở vùng đồng bằng ven sông, ven biển.

– Đặc điểm của vịt cỏ : đầu thanh, mắt sáng, tinh nhanh. Mỏ dài và dẹt, con cái có mỏ màu vàng, con đực có mỏ màu xanh lá cây nhạt hoặc vàng. Cổ dài thanh, con đực có lông ở cổ màu xanh biếc. Một số con có vòng lông trắng. Mình thon dài, ngực lép. Chân hơi cao màu vàng hoặc pha màu nâu. Vịt cỏ có nhiều màu lông khác nhau, chiếm đa số là màu sẫm sẫm. Ngoài ra là các màu sẫm nhạt, trắng tuyền, xám hồng, xám đá khoang trắng đen hoặc đen tuyền.

Vịt cỏ có dáng đi nhanh nhẹn, hơi lúc lắc sang hai bên nhưng không nặng nề.

– Vịt cỏ trưởng thành, con đực nặng : 1,5 – 1,7kg, con cái nặng 1,4 – 1,6kg. Sản lượng trứng trung bình 160 – 170 quả/năm, trứng nặng 65– 70g/quả. Vịt con 60 – 65 ngày tuổi nặng 1,0 – 1,2kg/con. Thành thực sớm ở 135 – 145 ngày tuổi. Vịt cỏ chịu kham khổ, kiếm mồi giỏi, thích hợp với phương thức chăn thả theo bầy đàn.

2.2. Giống bò Hà Lan (bò Holstein Friesian : HF) Bò Hà Lan xuất xứ từ tỉnh Friesland, là giống chuyên dụng sữa nổi tiếng thế giới. Bò HF có kiểu hình

đặc trưng cho loại bò sữa. Nhìn từ phía sau, thân hình của bò hẹp dần về phía trước, giống như cái nôm cối, trước nhỏ sau to, bầu vú phát triển, da mỏng, đàn hồi. Bò HF có lông màu đen xen các vệt trắng, đặc biệt có vòng đai trắng sau bả vai và lông ngực.

Bò cái trưởng thành nặng 650 – 700kg. Bò đực : 800 – 1000kg. Sản lượng sữa bình quân 5500 – 6000kg/chu kỳ 305 ngày. Tỷ lệ mỡ sữa là 3,6 – 3,8%. Bò đực nuôi thịt 15 tháng tuổi đạt 450kg, tỷ lệ thịt xẻ đạt 56 – 58%.

Bò HF nuôi ở nước ta (vùng khí hậu mát mẻ) thích nghi tốt, cho năng suất sữa khá. Ở vùng Mộc Châu (Sơn La) bò cho 4500kg sữa một chu kỳ. Nuôi bò HF ở Lâm Đồng và một số nơi khác, bò cho năng suất sữa khá cao và ổn định. Tạp giao giữa bò Hà Lan với bò lai Sind được bò Hà Ấn có lượng sữa bình quân 1800kg/chu kỳ. Tạp giao giữa bò Hà Lan với bò Vàng Việt Nam được bò Hà Việt cho lượng sữa bình quân 1500kg/chu kỳ.

2.3. Lợn Landorot

Lợn Landorot (Đan Mạch) có nguồn gốc từ lợn Youtland và lợn Yorkshire nguồn gốc từ Anh. Lợn Landorot là một phẩm giống đã được cải tiến từ hơn 90 năm nay theo hướng chóng thành thực, tăng trọng nhanh và tỷ lệ nạc cao.

Ngày nay ở mỗi nước đã tạo ra một dạng Landorot phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng như : lợn Landorot Bỉ có phân mông rất phát triển, lợn Landorot Nhật Bản có mình dài.

Lợn Landorot có màu lông, da trắng tuyền. Mình dài, tai to cúp về phía trước. Bụng thon, có 12 – 14 vú. Lợn đực trưởng thành nặng 300 – 320kg, con cái nặng 220 – 250kg. Lợn nuôi thịt 6 tháng tuổi đạt 100kg, tỷ lệ nạc đạt 56%.

Năm 1970, Việt Nam nhập lợn Landorot từ Cu Ba. Những năm 1985–1986, ta nhập lợn Landorot từ Bỉ và Nhật Bản.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị bài giảng

1.1. Chuẩn bị nội dung

- Nghiên cứu SGK.
- Tìm hiểu về các giống vật nuôi đang có thuộc địa bàn dân cư xung quanh trường học hoặc đang có trong huyện, tỉnh.

1.2. Chuẩn bị đồ dùng dạy học

Tranh hoặc ảnh các giống vật nuôi có giới thiệu trong bài (h.51, 52, 53) hoặc các giống vật nuôi đang có ở địa phương.

2. Các hoạt động dạy học

2.1. Hoạt động 1. Giới thiệu bài học

GV nêu mục tiêu của bài học. Trong bài này cần làm cho HS hiểu được những khái niệm ban đầu về giống vật nuôi và vai trò của giống trong chăn nuôi. HS cần nhận rõ : một giống vật nuôi có đặc điểm ngoại hình giống nhau ; có năng suất, sản lượng như nhau (tất nhiên phải trong cùng điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc) ; có đặc điểm di truyền ổn định. HS thấy được vai trò của giống vật nuôi trong việc nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Qua đó các em có ý thức chú ý tới sản xuất nông nghiệp.

2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu khái niệm về giống vật nuôi

Trong phần này có 3 ý lớn :

a) Thế nào là giống vật nuôi ?

Bằng phương pháp gợi mở, GV nêu câu hỏi và đàm thoại với HS để HS rõ :

– Muốn chăn nuôi, trước hết phải có con giống. Nuôi giống vật nuôi nào cũng phải phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, trình độ hiểu biết về kỹ thuật.

Ví dụ : nếu có hiểu biết về kỹ thuật chăn nuôi, có kinh nghiệm chăn nuôi, điều kiện kinh tế khá (có vốn để trang bị cơ sở vật chất, chuồng trại, thức ăn...) thì nuôi các giống vật nuôi có năng suất cao, thường là các giống ngoại nhập. Nếu không có điều kiện trên thì nuôi các giống chịu được kham khổ, dễ nuôi, thường là các giống vật nuôi trong nước.

– Để nhận biết vật nuôi của một giống cần chú ý :

+ Đặc điểm về ngoại hình (màu sắc lông da, các bộ phận cơ thể...).

+ Các số liệu về năng suất, sản lượng.

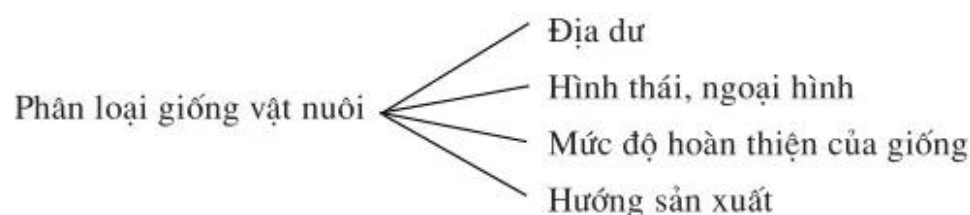
+ Sự ổn định về di truyền các đặc điểm của giống ở đời sau.

Đây là những khái niệm khó với HS lớp 7. Qua các ví dụ HS nêu, GV uốn nắn, phân tích để hình thành khái niệm.

b) Phân loại giống vật nuôi

Để hình thành khái niệm về sự phân loại giống vật nuôi, GV chỉ cần nêu tiêu chí phân loại để HS lấy ví dụ minh họa dưới sự hướng dẫn của GV (SGK) như phân mục tiêu đã nêu.

Ví dụ :



HS nêu ví dụ minh họa, GV uốn nắn.

c) Điều kiện để công nhận là một giống vật nuôi

Cần làm cho HS thấy được có 4 ý chính sau :

- + Có chung nguồn gốc.
- + Có đặc điểm ngoại hình và năng suất giống nhau.
- + Có đặc điểm di truyền ổn định.
- + Có số lượng cá thể đông và phân bố trên một địa bàn rộng.

GV có thể đưa ra những ví dụ minh họa cho từng điều kiện trên từ các giống vật nuôi đã giới thiệu trong bài hoặc từ các giống vật nuôi ở địa phương mà GV đã có tư liệu. Chỉ cần HS hiểu được từ các ví dụ cụ thể để rồi hình thành khái niệm.

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu vai trò của giống trong chăn nuôi

Cần làm cho HS thấy được giống vật nuôi có ảnh hưởng đến :

- Năng suất và sản lượng chăn nuôi.
- Chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Qua các ví dụ của SGK, GV hướng dẫn HS lấy các ví dụ khác từ các giống vật nuôi ở địa phương hoặc từ các nguồn thông tin khác (sách, báo, truyền hình...) để chứng minh cho vai trò của giống và việc không ngừng chọn lọc và nhân giống để tạo ra các giống vật nuôi ngày càng tốt hơn là một trong các khâu kỹ thuật chăn nuôi phải chú ý.

2.4. Hoạt động 4. Tổng kết bài giảng

- GV gọi 1 – 2 HS đọc phần "Ghi nhớ".
- GV hệ thống lại bài và nêu câu hỏi HS trả lời.
- GV nhận xét mục tiêu bài học đã đạt chưa và tinh thần học tập của HS.
- GV dặn dò HS trả lời câu hỏi cuối bài và đọc trước bài 32 SGK.